

# ĐAU THẦN KINH TỌA

## 1/ Đau dây thần kinh tọa do lạnh (trúng phong, hàn ở kinh lạc)

+ Triệu chứng: Đau vùng thắt lưng lan xuống mông, mặt sau đùi cẳng chân, đi đứng khó, đau, chườm teo cơ, toàn thân sợ lạnh, rêu lưỡi trắng, mạch phù

+ Phương pháp chữa: Khu phong tán hàn- hành khí hoạt huyết

+ Bài thuốc: **PT5** (giáo sư BÙI CHÍ HIẾU)

- Lá lốt	12g	- Mắc cỡ	12g
- Thiên niên kiện	12g	- Quế chi	10g
- Thổ phục linh	12g	- Cỏ xước	10g
- Sài đất	12g	- Sinh địa	16g
- Hà thủ ô	16g		

Ngày sắc uống 01 thang

+ Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Độc hoạt tang ký sinh 03 viên x 03 lần/ ngày
- Phong thấp Fengshi 02 viên x 03 lần / ngày

+ Châm cứu : mỗi đợt từ 5 → 10 ngày

- Áp thống huyết.

- Thận du, Mệnh môn, Đại trường du, Trật biên, Hoàn khiêu, Thừa phù, Ủ

trung.

## 2/ Đau dây TK tọa do thoái hóa cột sống gây chèn ép (phong hàn thấp tý)

- Triệu chứng: Đau vùng thắt lưng lan xuống chân theo dọc đường đi của dây thần kinh tọa, có teo cơ, bệnh kéo dài và dễ tái phát. Thường kèm theo triệu chứng toàn thân như: Ăn kém, ngủ ít, mạch nhu hoãn, trầm nhược.

+ Phương pháp chữa: Khu phong, tán hàn, trừ thấp, hoạt huyết, bổ can thận. Nếu có teo cơ thì phải bổ khí huyết.

+ Bài thuốc: **Độc hoạt tang ký sinh gia giảm**

- Độc hoạt	12g	- Xuyên khung	12g
- Phòng phong	10g	- Kỷ tử	12g
- Tang ký sinh	12g	- Đỗ trọng	12g
- Thiên niên kiện	12g	- Đương qui	12g
- Thổ phục linh	12g	- Thục địa	12g
- Cam thảo	04g	- Đại táo	12g
- Quế chi	04g	- Táo nhân	03g
- Ngưu tất	12g	- Tế tân	04g

Ngày sắc uống 01 thang.

+ Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- - Thấp khớp ND : 03 viên x 02 lần / ngày

- - Phong thấp fengshi : 02 viên x 02 lần / ngày
  - + Châm cứu : mỗi đợt từ 5 → 10 ngày
    - Áp thống huyết.
    - Thận du, Mệnh môn, Đại trường du, Trật biên, Hoàn khiêu, Thừa phù, Ủy trung.

# LIỆT DÂY VII NGOẠI BIÊN

## 1.LIỆT DÂY VII NGOẠI BIÊN DO LẠNH: (Đông y gọi là trúng phong hàn ở kinh lạc)

### **a./Triệu chứng:**

Sau khi gặp mưa gió, lạnh, tự nhiên mắt không kín, miệng méo cùng bên với mắt, uống nước trào ra, không huyết sáo được, toàn thân có hiện tượng sợ lạnh, rêu lưỡi trắng, mạch phù.

**b/Phép trị :** Khu phong tán hàn hoạt lạc.

### + **Bài thuốc** :

Ké đầu ngựa	12g	Trần bì	12g
Tang ký sinh	12g	Hương phụ	12g
Quế chi	08g	Đương quy	12g
Bạch chỉ	12g	Xuyên khung	12g
Ngưu tất	12g	Cam thảo	04g

Ngày sắc uống 01 thang.

+ Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

Rheumapian-f : 02 viên x 03 lần/ ngày

+ **Châm cứu** : mỗi đợt từ 5 → 10 ngày

É phong, Toán trúc, Tỉnh minh, Ngưu yêu, Giáp xa, Địa thương, Nghinh hương, Phong trì, Hợp cốc.

## 2.LIỆT DÂY VII NGOẠI BIÊN DO NHIỆM TRÙNG: (đông y gọi là trúng phong nhiệt ở kinh lạc)

### **a. Triệu chứng:**

Tự nhiên mắt không nhắm được, miệng méo cùng bên với mắt, uống nước trào ra, không huyết sáo được, có sốt, sợ gió sợ nóng, rêu lưỡi trắng dày, mạch phù sắc. Sau khi hết sốt, có tình trạng liệt dây VII ngoại biên.

**b. Phép trị :** Khu phong thanh nhiệt, hoạt huyết.

### **c. Bài thuốc:**

- Kim ngân hoa	16g	- Ngưu tất	12g
- Bồ công anh	16g	- Dâu tằm	12g
- Thổ phục linh	12g	- Táo nhân	03g
- Ké đầu ngựa	12g	- Cam thảo	03g
- Xuyên khung	12g		

Ngày sắc uống 01 thang

+ Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

Rheumapian-f : 02 viên x 03 lần/ ngày

Thanh huyết : 02 viên x 03 lần/ ngày

### **3. LIỆT DÂY VII DO SANG CHẤN:** (đông y gọi là ứ huyết ở kinh lạc)

**a. Triệu chứng:** Gồm triệu chứng liệt dây VII, mà nguyên nhân gây ra do sang chấn như: Té ngã, bị thương tích, sau mổ vùng hàm mặt, xương chũm

**b. phếp trị :** Hoạt huyết, hành khí.

+ Bài thuốc:

- Đẳng sâm	12g	- Uất kim	08g
- Xuyên khung	12g	- Chỉ xác	06g
- Ngưu tất	12g	- Trần bì	06g
- Tổ mộc	08g	- Hương phụ	06g

Ngày sắc uống 01 thang.

+ thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Rhuemapain F 02 viên x 03 lần/ ngày

- Flavital 02 viên x 03 lần/ ngày

. Đa số các trường hợp liệt VII ngoại biên do lạnh, do xung huyết : Uống thuốc bắc, châm cứu đem lại kết quả tốt.

. Các trường hợp do nhiễm trùng : Phục hồi lâu hơn.

. Đối với các trường hợp phục hồi chậm (trên 02 tháng): Người bệnh và thầy thuốc cần có điều kiện về thời gian.

. Phải phối hợp nhiều phương pháp: Châm cứu, châm điện.

+ Vật lý trị liệu : Kiên trì hướng dẫn từng động tác xoa ấn vùng mặt, trên trán, trên má, dưới cằm, các cơ hai bên má, xoa bóp vật lý trị liệu, dưỡng sinh, thường thu được kết quả tốt hơn. tập vùng mắt, vùng lưỡi, tập thổi phồng miệng.

+ Tâm lý liệu pháp : Do tính chất bệnh lâu dài phải động viên, an ủi, giúp người bệnh vượt qua thời gian khó khăn.

+ Phối hợp thuốc tây :

- Paracetamol 500mg	1viên x 2 lần uống (sáng, chiều)
- Vitamin C 1g	tiêm TMC.

# KINH NGUYỆT KHÔNG ĐỀU

**1/. Kinh nguyệt trước kỳ :** Phần nhiều do nhiệt gây ra (thực nhiệt, hư nhiệt), nhưng cũng có khi do khí hư gây nên.

**a. Do huyết nhiệt :** Hay ăn đồ cay nóng, cảm nhiệt tá làm huyết đi sai đường, thấy kinh trước kỳ và lượng kinh ra nhiều.

+ Triệu chứng: Số lượng ra nhiều, màu đỏ tía, đặc, máu cục, sắc mặt đỏ, môi đỏ khô, dễ giận, cáu gắt, thích mát, sợ nóng, táo bón, nước tiểu đỏ, rêu vàng.

+ Phép trị : Thanh nhiệt, lương huyết.

+ Bài thuốc:

- Sinh địa	12g	- Đương qui	12g
- Xuyên khung	12g	- Huyền sâm	12g
- Ngưu tất	12g	- Hoài sơn	12g
- Ích mẫu	16g	- Mạch môn	12g
- Cỏ mực	10g		

Ngày sắc uống 01 thang.

Nếu can khí uất kết, tình chí không thoải mái, hay tức giận, buồn phiền gia thêm: Chi tử 12g, Sài hồ 12g, Bạc hà 08g.

+ Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Viên nang ích mẫu 01 viên x 03 lần/ ngày
- Thanh huyết nang 02 viên x 03 lần/ ngày

**b. Do huyết hư :** Do âm hư hỏa vượng, làm âm huyết kém, nhiệt làm kinh ra trước kỳ nhưng lượng ít.

+ Triệu chứng : Lượng kinh ít màu đỏ và trong, không có cục, sắc mặt không nhuận, hai gò má đỏ, chóng mặt, trong người phiền nhiệt, ngủ không yên, chát lưỡi đỏ, rêu vàng khô, miệng lở, mạch tế sác.

+ Phép trị : Dưỡng âm thanh nhiệt

+ Bài thuốc:

- Sinh địa	16g	- Xuyên khung	12g
- Huyền sâm	12g	- Địa cốt bì	12g
- Ích mẫu	12g	- Cát căn	12g
- Rễ tranh	12g	- Mạch môn	12g
- Đương qui	12g		

Ngày sắc uống 01 thang.

+ Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Viên nang ích mẫu 01 viên x 03 lần/ ngày
- Bát trân nang 02 viên x 03 lần / ngày

**c. Khí hư :** Cơ thể suy nhược, dinh dưỡng kém làm ảnh hưởng đến mạch xung nhâm gây kinh nguyệt trước kỳ mà số lượng kinh nhiều.

+ Triệu chứng : Kinh ra trước kỳ, số lượng nhiều, màu nhạt, loãng, sắc mặt trắng bóng, tinh thần uể oải, hồi hộp, hơi thở ngắn, ngại nói, mệt mỏi, chất lưỡi nhạt, rêu mỏng ướt, mạch hư nhược, vô lực.

+ Phép trị : Bổ khí, cố kinh

+ Bài thuốc :

- Đẳng sâm	20g	- Bạch truật	08g
- Ý dĩ	20g	- Hoài sơn	12g
- Sa nhân	08g		

Tất cả tán bột làm viên ngày uống 15g x 2 lần.

+ Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Viên nang ích mẫu 01 viên x 03 lần/ ngày
- Bát trân nang 02 viên x 03 lần / ngày

## 2/. Kinh nguyệt sau kỳ :

**a. Hư hàn :** Do nội thương (hư hàn) hoặc ngoại cảm phong hàn (thực)

+ Triệu chứng : Kinh chậm lượng ít màu nhạt hoặc xám đen loãng sắc mặt trắng, môi nhạt, tích nóng, sợ lạnh tay chân lạnh, bụng đau liên miên, chườm nóng dễ chịu, chóng mặt thở ngắn, mỏi lưng mạch trầm trì vô lực .

+ Phép trị : Ôn kinh, trừ hàn, bổ hư.

+ Bài thuốc :

- Thục địa	12g	- Xuyên khung	10g
- Can khương	08g	- Ngãi cứu	12g
- Hà thủ ô	12g	- Đẳng sâm	12g
- Thạch xương bồ	08g		

Ngày uống 01 thang.

+ Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Viên nang ích mẫu 01 viên x 03 lần/ ngày
- Bát trân nang 02 viên x 03 lần / ngày

**b. Do huyết :** huyết ú (thực), huyết hư (hư).

@/ Huyết ú :

+ Triệu chứng : Kinh ra sau kỳ, lượng ít màu tím đen đóng cục, sắc mặt tím xám, bụng dưới trướng đau (cự án). Sau khi hành kinh ra huyết bết đau, táo bón, nước tiểu ít, lưỡi xám, mạch trầm sắc.

+ Phép trị : Hoạt huyết, khứ ú, điều kinh

+ Bài thuốc :

- Sinh địa	12g	- Xuyên khung	08g
------------	-----	---------------	-----

- |             |     |           |     |
|-------------|-----|-----------|-----|
| - Đương qui | 08g | - Uất kim | 08g |
| - Đào nhân  | 08g | - Ích mẫu | 16g |

Ngày sắc uống 01 thang.

+ Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Viên nang ích mẫu 01 viên x 03 lần/ ngày
- Flavital 02 viên x 02 lần / ngày

**@/. Huyết hư :**

+ Triệu chứng : Kinh nguyệt ra sau kỳ lượng ít, kinh loãng, sắc mặt trắng mệt mỏi, hồi hộp, đoản hơi, ngại nói, móng tay chân nhạt, da khô sáp, đầu choáng mắt hoa, ngủ ít, chất lưỡi nhạt không có rêu, mạch tế sắc hay hư.

+ Phép trị : Điều kinh, bổ huyết

+ Bài thuốc :

- |               |     |             |     |
|---------------|-----|-------------|-----|
| - Thục địa    | 12g | - Trần bì   | 06g |
| - Xuyên khung | 08g | - Ích mẫu   | 12g |
| - Kỷ tử       | 12g | - Đảng sâm  | 08g |
| - Hà thủ ô    | 10g | - Đương quy | 12g |
| - Long nhãn   | 12g |             |     |

Ngày sắc uống 01 thang.

+ Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Viên nang ích mẫu 01 viên x 03 lần/ ngày
- Bát trân nang 02 viên x 03 lần / ngày

**c. Do đàm thấp :**

+ Triệu chứng : Kinh nguyệt sau kỳ, sắc nhợt, thường hay buồn nôn, kém ăn, miệng nhạt, rêu lưỡi trắng nhợt, mạch huyền hoạt.

+ Phép trị : điều kinh, hóa đàm, trừ thấp

+ Bài thuốc :

- |               |     |              |     |
|---------------|-----|--------------|-----|
| - Thục địa    | 12g | - Trần bì    | 06g |
| - Xuyên khung | 08g | - Ích mẫu    | 12g |
| - Kỷ tử       | 12g | - Đảng sâm   | 08g |
| - Hà thủ ô    | 10g | - Đương quy  | 12g |
| - Long nhãn   | 12g | - Bán hạ chế | 08g |

Ngày sắc uống 01 thang.

+ Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Viên nang ích mẫu 01 viên x 03 lần/ ngày
- Bát trân nang 02 viên x 02 lần / ngày

# ĐAU LƯNG

## II/ ĐIỀU TRỊ :

**A/ Đau lưng cấp :** Thường do bị lạnh do gây cứng các cơ cột sống lưng, dây chằng cột sống bị viêm, bị phù nề gây chèn ép vào dây thần kinh (do bị thoát vị đĩa đệm), hoặc do mang vác nặng, làm một số động tác gắng sức sai tư thế làm sang chấn vùng thắt lưng.

+ Triệu chứng : Đông y cho rằng do hàn thấp gây ra, đau lưng xảy ra đột ngột, sau khi bị lạnh mưa, ẩm thấp, đau nhiều khi cúi ngửa, đứng lên ngồi xuống khó khăn, ho và xoay trở mình cũng đau thỉnh thoảng có những cơn giật nhẹ, thường đau một bên, ấn các cơ sống lưng co cứng và sưng to, mạch trầm huyền.

+ X Quang : Giai đoạn đầu cột sống lưng bị cong do co kéo các cơ cột sống

+ Phương pháp chữa : Khu phong, tán hàn, trừ thấp ôn kinh hoạt lạc

+ Bài thuốc :

- Quế chi	08g	- Xuyên khung	12g
- Rễ lá lốt	08g	- Táo nhân	08g
- Thiên niên kiện	10g	- Cam thảo	04g
- Ý dĩ	16g	- Thổ phục linh	12g
- Trần bì	06g	- Tang ký sinh	12g
- Ngưu tất	12g	- Kỳ tử	12g
- Đỗ trọng	12g		

Ngày sắc uống một thang.

+ Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Rheumapain f 02 viên x 02 lần/ ngày

- Thấp khớp ND 03 viên x 02 lần / ngày

- Cồn xoa bóp 03 lần x 5 ml / dùng ngoài

+ Châm cứu : mỗi đợt từ 5 → 10 ngày

- A thị huyết.

- Châm giáp tích vùng đau tương xứng.

- Phương pháp châm tả (vê kim luôn).

- Huyệt : Thận du, Đại trường du, Mệnh môn, Giáp tích: Từ L2-S1, Hoàn khiêu, Trật biên, Ủy trung, Thừa sơn, Côn lân, Dương lăng tuyền, Huyền chung.

+ Xoa bóp : Chỉ xoa bóp vùng xa nơi đau.

+ chế độ nghỉ ngơi tuyệt đối, tránh vận động sớm, tư thế nằm nghỉ trên mặt phẳng cứng

+ Dùng lá ngải cứu, muối rang (hết nỏ) sao cho nóng vừa phải, bọc khăn mỏng chườm nhẹ nơi đau ngày 2-3 lần.

+ Dùng cồn xoa bóp : Gồm có ô đầu sống quế, đại hồi ngày 2-3 lần.

**B. Đau lưng mãn tính :** Thường gặp ở các người bệnh

- Lao cột sống thắt lưng.
- Vôôi hóa, thoái hóa cột sống lưng.
- Gai cột sống lưng.
- Suy nhược thần kinh.

+ Triệu chứng bệnh : Người bệnh đau vùng thắt lưng, thường xuyên đau âm ỉ, cúi ngửa khó khăn, ngồi mau ê mỏi vùng lưng, đau lan xuống tê một bên chân hay hai bên chân, ăn ngủ kém, cơ thể mệt mỏi suy nhược.

+ Bài thuốc :

- Kỷ tử	12g	- Tang ký sinh	12g
- Đỗ trọng	12g	- Thiên niên kiện	12g
- Câu tích	12g	- Hà thủ ô	12g
- Ngưu tất	12g	- Thổ phục linh	12g
- Thục địa	12g	- Hoài sơn	12g
- Táo nhân	03g	- Ý dĩ	12g
- Cam thảo	03g		

Ngày sắc uống 01 thang.

+ Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Thấp khớp ND : 03 viên x 02 lần / ngày
- Phong thấp Topphote : 02 viên x 02 lần / ngày
- Thanh huyết : 02 viên x 02 lần/ ngày
- Cồn xoa bóp : 05 ml x 03 lần/ ngày dùng ngoài

# VIÊM GAN MẠN

## II/ CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ :

### 1/ Thể Can nhiệt Tỳ thấp :

Thường gặp trong viêm gan mạn tiên triển với các triệu chứng miệng đắng, chán ăn, bụng đầy chướng, miệng khô nhớt, đau nhiều vùng gan, da vàng xạm, tiểu tiện vàng, lưỡi đỏ rêu vàng, mạch huyền.

Phép trị : Thanh nhiệt, trừ thấp với mục đích

Hạ sốt : nhờ có Flavon trong Hoàng cầm có tác dụng ức chế men polyphenol oxidase gây sốt trong bệnh lý tự miễn.

Lợi mật và tổng mật : nhờ có acid chlorogenic và 6,7 dimethyl-coumarine có trong Nhân trần hoặc Mg silicat có trong Hoạt thạch.

Lợi tiểu và bảo vệ tế bào gan : Nhân trần.

Tăng khả năng miễn dịch của cơ thể : Phục linh.

- Những bài thuốc sử dụng :

\* Bài thuốc Nhân trần ngũ linh tán

Nhân trần	20g	Đảng sâm	16g
Bạch truật	12g	Ý dĩ	16g.
Phục linh	12g	Trư linh	08g
Trạch tả	12g	Xa tiền tử	12g

. Nếu do viêm gan siêu vi nên tăng liều Bạch truật, Phục linh lên 20g, giảm liều Đảng sâm 10g, thêm Diệp hạ châu 50g.

. Nếu do viêm gan tự miễn nên tăng liều Đảng sâm 30g, gia thêm Cam thảo bắc 30g.

\* Bài thuốc Hoàng cầm hoạt thạch thang (Ôn bệnh điều biện) :

Hoàng cầm	12g	Hoạt thạch	12g
Đại phúc bì	12g	Phục linh	08g
Trư linh	08g	Đậu khấu	08g
Kim ngân	16g	Mộc thông	12g
Nhân trần	20g	Cam thảo bắc	04g

. Nếu có nóng sốt, vàng da nên tăng liều Hoàng cầm, Hoạt thạch 20g

. Nếu vàng da hoặc tăng Tramsaminase nên tăng liều Nhân trần 30g.

+ Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

VG5 : 02 viên x 03 lần/ ngày

Thanh huyết : 02 viên x 03 lần/ ngày

Hương sa lục quân : 02 viên x 03 lần/ ngày

### 2/ Thể Can uất Tỳ hư :

Thường gặp trong viêm gan mạn tiểu thùy hoặc giai đoạn viêm gan mạn tồn tại chuyển sang viêm gan mạn tiến triển với những triệu chứng đau tức nặng vùng hông sườn phải, miệng đắng, ăn kém, người mệt mỏi, đại tiện phân nhão, chất lưỡi nhợt, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch huyền.

a. Phép trị : Sơ Can kiện Tỳ với mục đích :

\* Kích thích tiêu hóa thông qua tác dụng tăng hoạt tính của men tụy như Bạch truật,

Phục linh, Trần bì ...

\* Bảo vệ tế bào gan : Sài hồ, Đương quy, Đại táo, Glyciridine của Cam thảo.

\* Điều hòa chức năng miễn dịch : Sài hồ, Đảng sâm, Bạch truật, Glucide của Bạch thược.

\* Kháng virus viêm gan : Sài hồ.

- thuốc thang :

*\*Sài hồ sơ can thang gia giảm :*

Sài hồ	12g	Bạch thược	08g
Chỉ thực	06g	Xuyên khung	08g
Hậu phác	06g	Cam thảo bắc	06g
Đương quy	08g	Đại táo	08g

. Nếu cảm giác đau tức nặng vùng gan làm bệnh nhân khó chịu, nên tăng thêm liều Bạch thược, Cam thảo 12g, Xuyên khung 10g, Chỉ thực 10g, Hậu phác 10g.

. Nếu bệnh nhân bị viêm gan mạn do các bệnh tự miễn, tăng liều Bạch thược, Cam thảo bắc 20 - 30g.

. Nếu viêm gan mạn do siêu vi, nên gia thêm Diệp hạ minh châu (chó đẻ răng cưa) 50g để ức chế men AND polymerase của siêu vi B, tăng Đương quy, Đại táo 20g.

*\*Sài thược lục quân gia giảm :*

Sài hồ	12g	Bạch thược	12g
Bạch truật	12g	Đảng sâm	12g
Phục linh	08g	Trần bì	06g
Bán hạ	06g	Cam thảo bắc	06g

. Nếu bệnh nhân chán ăn, người mệt mỏi, đại tiện phân nát gia thêm Bạch truật, Đảng sâm mỗi thứ 10g, Phục linh 12g.

. Nếu lợm giọng, buồn nôn gia thêm Trần bì, Bán hạ chế 10g.

. Nếu viêm gan mạn do siêu vi nên gia thêm Diệp hạ minh châu 50g để ức chế men AND polymerase của siêu vi B.

. Nếu viêm gan mạn do bệnh tự miễn thì tăng liều Bạch truật, Đương quy, Đảng sâm, Cam thảo bắc lên 20 - 30g.

. Nếu viêm gan mạn do dùng thuốc hay rượu thì tăng liều Cam thảo bắc, Bạch truật lên 20 - 30g.

+ Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- VG5 02 viên x 03 lần/ ngày
- Thanh nhiệt tiêu độc 02 viên x 03 lần/ ngày
- Bát trân nang 03 viên x 03 lần/ ngày

### **3/ Thể Can âm hư :**

Thường gặp trong viêm gan mạn tồn tại hoặc giai đoạn thuyên giảm sau viêm gan mạn tiến triển.

Triệu chứng gồm có : hồi hộp, ít ngủ, lòng bàn tay, bàn chân nóng, sốt âm i 37,5 - 38°C, khát nước, họng khô hay gât gồng, lưỡi đỏ, táo bón, nước tiểu vàng, mạch huyền tế sắc.

Phép trị : Tư dưỡng Can âm

Bài thuốc sử dụng :

*Nhất quán tiền gia giảm*

Sa sâm	12g	Sinh địa	12g
Mạch môn	12g	Sài hồ	12g
Hà thủ ô	12g	Câu kỷ	12g
Diệp hạ châu	12g		

+ Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Diệp hạ châu 03 viên x 03 lần/ ngày
- Thanh huyết nang 02 viên x 03 lần/ ngày
- Bát vị nang 02 viên x 03 lần/ ngày

*(Bài giảng Bệnh học và điều trị. Tập 3. Bộ môn YHCT. Trường ĐHYD TP Hồ Chí Minh)*

# VIÊM LOÉT DẠ DÀY TÁ TRÀNG

## a. Thử Khí uất (trệ) :

- Với triệu chứng đau thượng vị từng cơn lan ra 2 bên hông sườn kèm ợ hơi, ợ chua, táo bón.

- Yếu tố khởi phát cơn đau thường là nóng giận, cáu gắt. Tính tình hay gắt gỏng.

- Rìa lưỡi đỏ, rêu vàng nhày, mạch huyền hữu lực.

- Phép trị : Sơ Can, lý khí, giải uất, an thần.

- Với mục đích: an thần, chống co thắt cơ trơn tiêu hóa và chống tiết HCl dịch vị hoặc trung hòa acid.

- Những bài thuốc và công thức huyết sử dụng : mỗi đợt châm cứu 5 →10 ngày

+ Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

**Hương sa lục quân**

02 viên x 03 lần uống/ngày

Pharnanca

02 viên x 03 lần uống/ngày

+ Bài thuốc Hương cúc bổ đề nghệ

Hương phụ 08g Cúc tần 12g

Mã đề 12g Xương bồ 08g

Nghệ vàng 06g.

+ Phương huyết : Trung quản, Túc tam lý, Lãi câu, Hành gian, Thiếu phủ, Thái xung, Thần môn ± Nội quan.

Kỹ thuật: bình châm Trung quản 15 phút, châm tả Lãi câu, Hành gian, Thái xung, Thần môn 5 phút. Mỗi đợt châm 5 →10 ngày

+ Động tác phình thót bụng của phương pháp Dưỡng sinh.

## b. Thử Hỏa uất:

- Với tính chất đau dữ dội, nóng rát vùng thượng vị, nôn mửa ra thức ăn chua đắng.

- Hơi thở hôi, miệng đắng.

- Lưỡi đỏ sẫm, mạch hồng sắc.

- Phép trị: Thanh hỏa trừ uất.

- Với mục đích: chống co thắt, chống tiết HCl, kháng sinh, kháng viêm bằng cơ chế bền thành mạch.

- Những bài thuốc và công thức huyết sử dụng : mỗi đợt châm cứu 5 →10 ngày

+ Bài thuốc Hương cúc bổ đề nghệ

Hương phụ 8g Cúc tần 12g

Mã đề 20g Xương bồ 8g

Nghệ vàng 6g

gia :

Bôi mẫu 16g Nhân trần 20g

Chi tử 12g Bò công anh 20g

+ Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Hương sa lục quân 02 viên x 03 lần / ngày

- Thanh nhiệt tiêu độc 02 viên x 03 lần / ngày

Kỹ thuật: bình châm Trung quản 15 phút, châm tả Lãi câu, Hành gian, Thái xung, Thần môn 5 phút. Mỗi đợt châm 5 → 10 ngày

### c. Thể Huyết ú :

- Đau khu trú ở vùng thượng vị, cảm giác châm chích.

- Chất lưỡi đỏ tím hoặc có điểm ú huyết, mạch hoạt.

- Nặng hơn thì đi cầu phân đen hoặc nôn ra máu bầm.

- Phép trị : Hoạt huyết, tiêu ú, chỉ huyết.

- Với mục đích : chống xung huyết và cầm máu ngoài tác dụng chống co thắt và chống tiết HCl dạ dày.

- Những bài thuốc và công thức huyết sử dụng :

+ Bài thuốc *Hương cúc bồ đề nghệ*

Hương phụ 8g Cúc tần 12g

Mã đề 12g Xương bồ 8g

Nghê vàng 6g

Gia : Cỏ mực, Trắc bá diệp sao đen.

+ **Thuốc thành phẩm** : 7-14 ngày

- Hương sa lục quân 02 viên x 03 lần/ ngày

- Thanh huyết nang 02 viên x 03 lần / ngày

- Flavital 02 viên x 03 lần/ ngày

+ Về *phương huyết* nên châm tả Thái xung, Huyết hải, Hợp cốc. Nếu bệnh nhân xuất huyết tiêu hóa có kèm rối loạn huyết động nên xử trí cấp cứu bằng y học hiện đại.

Mỗi đợt châm 5 → 10 ngày

### d. Thể Tỳ Vị hư hàn:

- Hay gặp ở loét dạ dày tá tràng mạn tính, tái phát nhiều lần hoặc ở người già với triệu chứng đau vùng thượng vị mang tính chất âm ỉ liên tục hoặc cảm giác đầy trướng bụng sau khi ăn.

- Yếu tố khởi phát thường là mùa lạnh hoặc thức ăn tanh lạnh làm đau tăng.

- Lưỡi nhợt bệu, rêu trắng dày nhớt. Mạch nhu hoãn vô lực.

- Phép trị: Ôn trung kiện tỳ.

- Với mục đích: kích thích tiết dịch vị, điều hòa nhu động dạ dày ruột, cải thiện tuần hoàn niêm mạc dạ dày

- Những bài thuốc và công thức huyết sử dụng :

+ Bài *Hoàng kỳ kiến trung thang* (Kim quỳ yếu lược) gồm

Hoàng kỳ 10g Can khương 6g

Cam thảo chích 8g Bạch thược 8g

Hương phụ 8g Cao lương khương 8g

Đại táo 3 quả.

Nếu bệnh nhân mệt mỏi, chán ăn, lợm giọng gia thêm : Hoàng kỳ 16g, Cam thảo chích 12g.

Nếu bệnh nhân đầy chướng bụng, tiêu sệt gia thêm Can khương 8g, Cao lương khương 8g.

**Thuốc thành phẩm** : 7-14 ngày

Hương sa lục quân                      03 viên x 03 lần/ ngày

Bermoric                                      02 viên x 03 lần/ ngày

+ *Phương huyết*: gồm Quan nguyên, Khí hải, Túc tam lý, Thái bạch, Phong long, Tỳ du, Đại đô, Thiếu phủ. Ôn châm hoặc cứu các huyệt nói trên. Mỗi đợt châm 5 →10 ngày

+ Dưỡng sinh: phương pháp Xoa trung tiêu.

( *Nguồn Bệnh học và điều trị. Tập 3. Bộ môn YHCT. Trường ĐHYD TP Hồ Chí Minh*)

# VIÊM ĐẠI TRÀNG MẠN

## 1. Thấp nhiệt uẩn kết :

Phát sốt, đau bụng, hạ lợi xích bạch niêm dịch tiện hoặc hữu lý cấp hậu trọng, giang môn đều nhiệt, tiêu tiện ngắn đỏ; chất lưỡi hồng, rêu lưỡi vàng nhờn; mạch hoạt sác.

Pháp điều trị: thanh nhiệt giải độc- hoá thấp chỉ thống.

Thuốc: hợp phương “bạch đầu ông thang” và “thược dược thang”

Bạch đầu ông	15g	Trần bì	12g
Hoàng bá	2g	Hoàng liên	10g.
Hoàng cầm	10g	Xích thược	10g.
Bạch thược	15g	Ngân hoa	10g.
Mộc hương	10g	Binh lang	10g.

Gia giảm :

- Nhiệt nhiều và trệ thì gia thêm : sinh đại hoàng 15g, cát căn 15g.
- Thấp nhiều phải gia thêm : hậu phác 12g, thương truật 10g.
- Có biểu chứng thì gia thêm : kinh giới 12g, liên kiều 12g.
- Bụng chướng đau thì gia thêm : chỉ thực 15g, thanh bì 10g.

Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Đại tràng HD : 03 viên x 03 lần/ ngày
- Pharnanca : 02 viên x 03 lần/ ngày

## 2. Can tỳ bất hòa :

Phúc thông thường lúc căng thẳng hoặc sau lao lung quá độ, tiết tả nùng huyết tiện (ia chảy có mủ máu), trước khi tiết tả đau nhiều, sau tiết tả đau giảm, ngực sườn chướng đầy, đau đầu hay cúi gắt giận dữ, bụng đầy chán ăn, ái khí, chất lưỡi hồng, rêu lưỡi trắng mỏng; mạch huyền hoặc huyền sác.

Pháp chữa : sơ can lý tỳ - hành khí chỉ lợi.

Bài thuốc : hợp phương “tứ nghịch tán” và “thông tả yếu phương”.

Hoài sơn dược	20g	Chỉ xác	15g.
Bạch thược	15g	Phòng phong	12g.
Sài hồ	10g	Cam thảo	06g.
Hương phụ	12g	Trần bì	10g.
Bạch truật	10g.		

Gia giảm :

- Nếu tiết tả nhiều lần lý cấp hậu trọng thì gia thêm: ô mai 6g, ngũ vị tử 6g.
- Có thực trệ thì gia thêm: sơn tra 15g, thần khúc 12g, lai phục tử 10g.
- Mệt mỏi ăn kém phải gia thêm: đảng sâm 10g, sa nhân 6g.

Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Đại tràng HD : 03 viên x 03 lần / ngày
- Bermoric : 02 viên x 03 lần/ ngày
- Quy tỳ : 02 viên x 03 lần / ngày

### 3. Ủ trở trường lạc :

Đau bụng kịch liệt hoặc chướng đau tăng dần liên tục, nôn khan hoặc nôn mửa, sốt cao không lui, bụng chướng như gỗ, đông thống cự án, đại tiện bất thông, mũi khô, chất lưỡi hồng, rêu xám (tro) hoặc vàng trắng tương kiềm mà nhờn; mạch hoạt sác hoặc huyền khẩn.

Pháp điều trị: hoạt huyết hóa ứ thông lý công hạ.

Thuốc: “đào nhân thừa khí thang” gia giảm.

Sinh đại hoàng	20 - 30g	Đào nhân	10g.
Hậu phác	15g	Thủy điệt	10g.
Chỉ xác	12g	Mộc hương	10g
Xích thực	12g		

Gia giảm :

- Sốt cao mà không lui thì gia thêm: hoàng liên 10g, chi tử 10g, tử hoa địa đing 12g, ngân hoa 10g, bồ công anh 10g.

- Nếu khớp đau thì gia thêm : tần cửu 12g, khương hoạt 10g, độc hoạt 10g.

- Nếu có kết tinh hồng ba thì gia thêm : đan bì 10g, đan sâm 12g.

Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Đại tràng HD : 03 viên x 03 lần / ngày

- Bách trĩ : 02 viên x 03 lần / ngày

### e. Xoa bóp :

Hàng ngày trước khi ngủ hoặc sáng ngủ dậy nên xoa nắn dọc khung đại tràng (xuất phát từ hố chậu phải sang trái). Động tác nhẹ nhàng vừa xoa vừa day nhẹ, Phương pháp này rất tốt trong viêm đại tràng co thắt

# SUY NHUỘC CƠ THỂ

## 1/ Âm hư dương vượng :

Phép trị: Tư âm giáng hỏa - bình can tiềm dương.

Bài thuốc: “kỷ cúc địa hoàng hoàn” gia giảm (thang).

Thục địa	12g	Sinh địa	12g.
Son thù	12g	Kỷ tử	10g.
Cúc hoa	10g	Sa sâm	10g.
Toan táo nhân	10g	Bá tử nhân	10g.

Sắc uống ngày 1 thang.

Thành phẩm : 7-14 ngày

Hương sa lục quân :	03 lần x 02 viên/ ngày
Mimosa :	01 lần x 02 viên uống trước ngủ 30 phút
Thanh nhiệt tiêu độc :	02 lần x 02 viên/ ngày

Nếu nhịp tim nhanh, tâm phiền mất ngủ, hay quên, di tinh, tai ù, lưng và gối đau mỏi, miệng khô, ngũ tâm phiền nhiệt, đầu lưỡi đỏ, mạch tế sắc là chứng tâm thận bất giao; điều trị phải dùng “lục vị địa hoàng hoàn” gia thêm: ngũ vị tử 8g, toan táo nhân 20g, bán hạ chế 6g, hoàng liên 4 - 6g.

## 2/ Đờm hư đàm nghịch :

Phép trị: Ôn đờm trừ đàm.

Thuốc: “ôn đờm thang”.

Bán hạ chế	06g	Chỉ thực	06g
Bạch phục linh	12g	Trần bì	06g
Trúc nhự	08g	Chích thảo	04g
Đại táo	2 quả		

*Gia giảm:*

- Nếu đàm tụ thì gia thêm: viển trí 8g, đờm nam tinh 12g.
- Nếu khí hư mạch kết thì gia thêm: đẳng sâm 16g.
- Nếu hư nhiệt đầu lưỡi đỏ thì gia thêm: thiên hoa phấn, bách hợp mỗi thứ đều 12g.
- Nếu rìa lưỡi có ban điểm ứ huyết, mạch súc thì gia thêm: đan sâm 16g, đào nhân 12g, hồng hoa 8g.

Thành phẩm : 7-14 ngày

An thần bổ tâm :	03 lần x 02 viên/ ngày
Thập toan đại bổ :	03 lần x 01 viên/ ngày
Hương sa lục quân :	03 lần x 02 viên/ ngày

## 3/ Tâm tỳ lưỡng hư :

Phép trị: Kiện tỳ dưỡng tâm - bổ huyết ích khí.

Phương thuốc: “qui tỳ thang gia giảm”.

Bạch truật	12g	Đương qui	8g.
Đẳng sâm	8g	Hoàng kỳ	12g.
Toan táo nhân	12g	Phục thần	8g.
Viển trí	6g	Long nhãn nhục	8g.
Chích cam thảo	4g.		

Nếu tinh thần ủy mị, đầu choáng, mắt hoa, hư phiền tâm quý, tư hãn, mềm lưỡi sinh nhọt, kinh nguyệt không đều, chất lưỡi hồng nhợt, rêu trắng mỏng, mạch tế sắc là tâm huyết bất túc thì dùng “bổ tâm hoàn”.

Thành phẩm : 7-14 ngày

Bổ huyết ích não : 03 lần x 01 viên/ ngày

Bát trân : 03 lần x 02 viên/ ngày

Bách trĩ : 02 lần x 03 viên/ ngày

#### 4/ Thận dương hư :

Phép trị: Ôn bổ thận dương.

Phương thuốc: “kim quĩ thận khí hoàn”

Sinh địa	24g	Hoài sơn	12g
----------	-----	----------	-----

Son thù	12g	Bạch phục linh	9g
---------	-----	----------------	----

Trạch tả	9g	Đơn bì	9g
----------	----	--------	----

Quế chi	4g	Phụ tử	4g
---------	----	--------	----

Nếu mắt hoa, phát thoát (rụng tóc), lưng gối lạnh giá, di tinh, lưỡi mềm bệu nhợt, rêu trắng mạch hư đại hoặc trì, tinh hư huyết thiếu, dương khí suy nhược thì phải tuyên bổ âm - dương, dùng quế chi, long cốt, mẫu lệ thang.

Thành phẩm : 7-14 ngày

Mimosa : 01 lần x 02 viên/ ngày

Bát vị : 03 lần x 02 viên/ ngày

Tài liệu tham khảo : <http://www.dieutri.vn/benhhocdongy>

# VIÊM PHẾ QUẢN

## I/ ĐẠI CƯƠNG :

Dựa vào biểu hiện lâm sàng viêm phế quản cấp và mạn, các triệu chứng chủ yếu để khẳng định bệnh là ho và khạc đàm. Tùy thuộc vào diễn biến của bệnh có thể có thêm triệu chứng khó thở, cò cử. Các triệu chứng nêu trên được y học cổ truyền mô tả trong các chứng khái thấu, háo suyễn, đàm ẩm.

Khái: có tiếng ho mà không có đàm.

Thấu: có tiếng đờm khò khè, cò cử mà không có tiếng ho.

Biểu hiện bệnh lý thường khi cũng có ho khan không có đàm, nhưng cũng thường khi có ho và đàm kèm

theo, nên gọi chung là chứng Khái thấu.

Háo: còn gọi là chứng Áp khái. Sách Thiên Kim Phương mô tả chứng này có được là do đã lâu năm, có nhiều đờm khò khè trong cổ, khi thở rít lên thành tiếng, khi phát ra chứng này là không nằm được.

Suyễn: Thở gấp, thở cấp bức, hơi đưa lên thì nhiều đưa xuống thì ít.

Thực tế cho thấy, chứng suyễn có khi phát ra đơn độc nhưng chứng háo thì luôn kèm chứng suyễn. Trong bệnh cảnh viêm phế quản cấp, viêm phế quản mạn mà chúng ta đã nêu trên đây có thể hiểu khó thở xảy ra là do đờm ứ đọng, nên gọi chung là chứng Háo suyễn.

Đàm ẩm: cũng có sự khác nhau:

- Đàm thì dẻo dính, thuộc chất trọc, thuộc về dương.
- Ẩm thì lỏng loãng, thuộc chất thanh, thuộc về âm.

## II/ NGUYÊN NHÂN :

Nguyên nhân sinh ra 3 chứng trên không ngoài ngoại cảm và nội thương :

### 1/ Ngoại cảm (Do lục dâm tà khí tác động gây bệnh) :

Gây chứng Khái thấu : tất cả lục dâm đều có thể gây bệnh (Phong, Hàn, Thử, Thấp, Táo, Hỏa).

Gây chứng Háo suyễn : chỉ do Phong, Hàn.

Gây chứng Đàm ẩm : do Phong, Hàn, Thấp, Táo.

### 2/ Nội thương :

Có nhiều nguyên nhân gây nên nội thương mà sinh ra các chứng trên.

Ăn uống không chừng mực, Tỳ bị tổn thương ảnh hưởng đến Phế, Thận.

Lao nhọc thường xuyên, ăn uống thiếu thốn : Tỳ hư.

Tửu sắc vô độ làm Tỳ Thận hư.

### 3/ Nội nhân :

Thất tình có ảnh hưởng đến ngũ tạng. Hỏa của thất tình uất kết, xông lên Phế gây ra ho tác động đến Tỳ, Tỳ hư hóa đờm tác động đến Thận. Thận dương hư thì thủy tà tràn lên kết lại thành đờm, thuộc về nhiệt. Nếu là âm thịnh dương hư do hơi nước tràn lên mà thành ra ẩm, thuộc về hàn, gây ra chứng Háo suyễn và Đàm ẩm.

## III/ TRIỆU CHỨNG LÂM SÀNG :

### A/ Nhóm chứng thực :

#### 1/ Phong hàn :

Thường gặp trong các bệnh viêm phế quản, hen phế quản, viêm thanh quản ... của y học hiện đại.

- Ho, khò khè (khí suyễn) đờm trắng, miệng không khát. (Phong hàn phạm Phế làm Phế khí mất tuyên giáng).
- Chảy nước mũi, ngạt mũi.
- Sợ lạnh, phát sốt. (Phong hàn làm mất Phế vệ (bì mao)).

- Rêu lưỡi mỏng, mạch phù.

### **2/ Phong nhiệt :**

Thường gặp trong các bệnh viêm phế quản cấp, mạn, hen phế quản, viêm thanh quản, viêm phổi, abcès phổi ở giai đoạn đầu... của y học hiện đại

- Ho đờm đặc vàng, miệng khô (do tân dịch bị mất).

- Miệng khát, họng đau ...

- Sốt, ra mồ hôi, nước mũi đặc, chất lưỡi đỏ, mạch phù sác. (Phong nhiệt phạm vào Phế vệ).

### **3/ Khí táo (táo nhiệt):**

Thường gặp trong các bệnh viêm phế quản cấp, viêm họng, hoặc bệnh nhiễm khuẩn ... của y học hiện đại.

- Ho khan hay ho ít đờm mà đờm dính, mũi khô, họng khô.

- Sốt, nhức đầu, người đau mỏi. (Táo uất phần Phế vệ).

- Đầu lưỡi đỏ khô, mạch phù sác. (Tân dịch giảm sút).

Thể lâm sàng Đàm theo y học cổ truyền gồm 2 loại: Đàm nhiệt và Đàm thấp.

Thường hay gặp ở bệnh viêm phế quản mạn tính, abcès phổi, viêm thanh quản cấp... của y học hiện đại.

#### **a/Đàm nhiệt :**

- Ho đờm vàng đặc dính, khó thở, đau ngực. (Đàm nhiệt làm Phế bị trở ngại mất khả năng tuyên giáng).

- Họng khô, rêu lưỡi vàng. Đàm nhiệt gây ra miệng đắng, mạch hoạt sác.

(Gây ra các chứng nhiệt làm mất tân dịch).

#### **b/ Đàm thấp :**

- Tức ngực, ho, hen, suyễn, đờm dễ khạc. (Đàm thấp làm Phế khí không tuyên giáng).

- Nôn, lợm giọng. (Đàm làm vệ khí nghịch).

- Rêu lưỡi dính, mạch hoạt. (Đàm thấp bên trong).

### **B/ Nhóm chứng hư :**

#### **1/Phế khí hư :**

Thường gặp ở những bệnh hen phế quản mạn tính, tâm phế mạn tính... của y học hiện đại.

- Ho, khó thở, tiếng nói nhỏ như yếu, càng vận động các triệu chứng bệnh càng tăng lên. (Phế chủ về hô hấp).

- Hay tự ra mồ hôi. (Phế hợp với da lông, nên Phế khí hư dẫn đến vệ khí không chặt chẽ).

- Da mặt không vinh nhuận làm sắc mặt trắng bệch ra (Khí hư thì huyết hư). Khí hư còn biểu hiện ở mệt mỏi, lưỡi đậm, mạch hư nhược.

#### **2/ Phế âm hư :**

Thường gặp ở những bệnh hen phế quản, viêm phế quản mạn tính, lao phổi, thời kỳ hồi phục của bệnh viêm phổi, viêm màng phổi do lao, viêm thanh quản mạn tính ...

- Ho khan hay ít đờm, đờm dính, ngứa họng, tiếng nói khàn, mạch nhỏ, chất lưỡi đỏ, ít rêu (Phế âm hư, tân dịch bị giảm).

- Nếu âm hư nặng, tân dịch bị giảm sút nhiều dẫn đến hư hỏa bốc lên gây sốt về chiều, hai gò má đỏ, khát nước, trong đờm có lẫn máu, chất lưỡi đỏ, rêu ít, mạch tế sác.

#### **3/ Phế Tỳ đều hư :**

- Ho lâu ngày, có nhiều đờm dễ khạc (Phế hư mất chức năng tuyên giáng. Tỳ hư vận hóa thủy cốc dở dang sinh ra đàm).

- Ăn kém, bụng đầy, tiêu lỏng (Tỳ khí hư vận hóa thất thường).

- Mệt mỏi, vô lực.

- Phù, rêu lưỡi trắng, chất lưỡi đậm, mạch tế nhược (thủy thấp đình trệ).

#### 4/ Phế Thận dương hư :

Triệu chứng giống như chứng Phế khí hư kèm thêm những triệu chứng của Thận dương hư như đau lưng, mỏi gối, liệt dương, tay chân lạnh, sợ lạnh, tiểu tiện nhiều lần. Mạch trầm tế nhược.

- Ho, đờm nhiều, ngực sườn đầy trướng, miệng khát mà không muốn uống nước. Nôn.

- Lung và tay chân lạnh, hoa mắt, chóng mặt, thở ngắn, hồi hộp, lưỡi bệu, rêu lưỡi trắng trơn.

#### IV/ ĐIỀU TRỊ VÀ CHĂM SÓC :

##### 1/ Thể Phong hàn :

Phép chữa: Phát tán phong hàn và hóa đàm (Tán hàn tuyên phế, ôn Phế tán hàn).

Bài Tô tử giáng khí thang gồm :

Bán hạ	12g	Hậu phác	08g
Tiền hồ	08g	Chích thảo	04g
Nhục quế	04g	Tô tử	16g
Đương quy	12g	Sinh khương	03 lát
Trần bì	08 - 12g.		

Bài Chỉ thẩu tán (Y học tâm ngộ) gồm :

Kinh giới	16g	Bách bộ	16g
Tử uyển	16g	Trần bì	08g
Bạch tiên	16g	Cam thảo	06g
Cát cánh	08g.		

Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Ho người lớn : 03 lần x 15ml
- Thập toàn đại bổ : 03 lần x 01 viên

Công thức huyết sử dụng : Đại chùy, Phong trì, Phong môn, Liệt khuyết, Đản trung, Phong long. 5-10 ngày 1 liệu trình

##### 2/ Thể Phong nhiệt :

Phép chữa: Phát tán phong nhiệt, sơ phong thanh nhiệt, trừ đờm (thanh nhiệt tuyên phế).

Bài Tang cúc ẩm gia giảm gồm :

Tang diệp	20g	Cát cánh	16g
Cúc hoa	10g	Cam thảo	08g
Hạnh nhân	16g	Lô căn	16g
Liên kiều	12g	Bạc hà	08g.

Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Cảm xuyên hương : 03 lần x 02 viên
- Thanh nhiệt giải độc : 03 lần x 02 viên

Công thức huyết sử dụng gồm : Đại chùy, Phong trì, Phong môn, Liệt khuyết, Đản trung, Phong long, Khúc trì, Hợp cốc. 5-10 ngày 1 liệu trình

##### 3/ Thể Khí táo (táo nhiệt) :

Phép chữa: Thanh phế nhuận táo.

Bài Hoàng liên giải độc thang (dùng khi mới mắc bệnh) gồm :

Hoàng liên	30g	Hoàng cầm	20g
Hoàng bá	20g	Chi tử	20g.

Bài Thanh táo cứu phế thang gồm :

Tang diệp	20g	A giao	08g
Thạch cao	16g	Mạch môn	12g
Nhân sâm	05g	Hạnh nhân	06g
Cam thảo	08g	Tỳ bà diệp	08g

Hồ ma nhân 08g.

Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Ho người lớn : 03 lần x 15ml
- Ngân kiều giải độc : 02 lần x 02 viên
- Thanh huyết nang : 02 lần x 02 viên

Công thức huyết sử dụng gồm : Đại chùy, Phong trì, Phong môn, Liệt khuyết, Đản trung, Phong long, Khúc trì, Hợp cốc. 5-10 ngày 1 liệu trình

#### 4/ Thể Đàm nhiệt :

Phép chữa: Thanh hỏa nhiệt đàm và nhuận táo hóa đàm.(Tuyên phế hóa đàm nhiệt, thanh phế hóa đàm).

Bài thuốc Bách hợp cố kim thang:

Sinh địa	12g	Thục địa	18g
Bách hợp	12g	Mạch môn đông	12g
Bối mẫu	10g	Thược dược	10g
Huyền sâm	08g	Cát cánh	08g
Sinh cam thảo	10g.		

Phép chữa: Táo thấp hóa đàm chỉ khái, ôn hóa thấp đàm.

Bài thuốc Nhị trần thang gia vị gồm :

Trần bì	10g	Thương truật	10g
Bán hạ	08g	Bạch truật	12g
Phục linh	10g	Cam thảo	10g
Hạnh nhân	12g	Sinh khương	06g.

Bài thuốc Lục quân tử thang gồm :

Nhân sâm	10g	Cam thảo (chích)	06g
Bạch truật	09g	Trần bì	09g
Phục linh	09g	Bán hạ	12g.

Được dùng khi Tỳ hư không chế được thấp, không vận hóa được thủy cốc, dịch ngưng tụ lại mà thành đàm.

Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Ho người lớn : 03 lần x 15 ml
- Ngân kiều giải độc : 02 lần x 02 viên

Công thức huyết sử dụng gồm :Tỳ du, Phế du, Thận du, Túc tam lý, Hợp cốc, Tam âm giao. 5-10 ngày 1 liệu trình

#### 5/ Thể Phế khí hư :

Phép chữa: Bổ ích Phế khí.

Bài Ngọc bình phong tán gồm :

Hoàng kỳ	24g	Bạch truật	08g
Phòng phong	16g.		

Bài Bảo nguyên thang gồm :

Nhân sâm	03g	Hoàng kỳ	09g
Nhục quế	02g	Cam thảo	03g.

Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Ho người lớn : 03 lần x 15 ml
- Thập toàn đại bổ : 03 lần x 01 viên

#### 6/ Thể Phế âm hư :

Phép chữa: Tư dưỡng Phế âm, tư âm giáng hỏa.

Bài Nhất tiền âm gia giảm gồm :

Bạch thực	08g	Địa cốt bì	04g
Sinh địa	08g	Cam thảo	03g
Mạch môn	12g	Thục địa	20g
Tri mẫu	04g.		

Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Ho người lớn : 03 lần x 15 ml
- Thanh huyết nang : 03 lần x 02 viên

Công thức huyết sử dụng : Thái uyên, Thiên lịch, Tam âm giao, Phế du, Thận du. 5-10 ngày 1 liệu trình

### **7/ Thử Phế Tỳ đều hư :**

Phép chữa: Kiện tỳ ích phế.

Bài Sâm linh bạch truyệt tán gồm :

Bạch truyệt	08g	Hạt sen	08g
Sa nhân	08g	Biển đậu	08g
Nhân sâm	08g	Sơn dược	08g
Cát cánh	08g	Phục linh	12g
Ý dĩ	12g	Chích thảo	04g.

Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Ho người lớn : 03 lần x 15 ml
- Ngân kiều giải độc : 03 lần x 02 viên
- Hương sa lục quân : 03 lần x 02 viên

Công thức huyết sử dụng gồm : Thái uyên, Thiên lịch, Trung phủ, Khí hải, Đản trung, Tam âm giao, Phế du, Thận du, Tỳ du, Mệnh môn, Phục lưu. 5-10 ngày 1 liệu trình

### **8/ Thử Phế Thận dương hư :**

Phép chữa: Ôn thận nạp khí, bổ phế khí.

Bài Hữu quy âm gồm :

Thục địa	32g	Nhân sâm	08g
Nhục quế	04g	Đỗ trọng	12g
Cam thảo	04g	Hoài sơn	16g
Kỷ tử	08g	Phụ tử chế	02g
Thù du	08g.		

Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Ho người lớn : 03 lần x 15ml
- Bát vị hoàn : 02 lần x 02 viên

Công thức huyết sử dụng : Thái uyên, Thiên lịch, Trung phủ, Quan nguyên, Khí hải, Đản trung, Tam âm giao, Phế du, Thận du, Tỳ du, Mệnh môn, Phục lưu. 5-10 ngày 1 liệu trình

## **V. DƯỠNG SINH :**

Được chỉ định trong những trường hợp viêm phế quản mạn. Có thể tự tập luyện mọi động tác dưỡng sinh không hạn chế tùy theo sức khỏe của cơ thể. Nhưng cần thiết là các động tác sau:

- Luyện thở sâu.
- Luyện thở ra tối đa: thở 3 thời, thổi chai.
- Luyện thở: thở 4 thời và có kê móng.
- Xoa tam tiêu.

Nhĩ châm : Có thể châm các huyết vùng Phế, Tuyến thượng thận, Bình suyễn, Thần mô

# RỐI LOẠN LIPID MÁU

## I/ NGUYÊN NHÂN CƠ CHẾ BỆNH :

Nhân tố thể chất : Là yếu tố bản tạng hoặc trạng thái thiên thắng hoặc thiên suy của vận hoá và chuyển hoá tạng phủ.

Âm thực thất tiết. Phần nhiều do ăn nhiều chất béo và ngọt gây tổn hại đến tỳ vị, vận hóa thất điều, đàm trọc nội sinh, đàm trọc hóa mà phát sinh bệnh.

Tinh thần, thần chí thất thường. Tinh thần kích thích hoặc biến đổi tính chí mà dẫn đến tư lự thương tỳ, nội tắc thương can, mộc vượng khắc thổ cũng thương tổn đến tỳ vị; tỳ thất kiện vận, thấp trọc xâm phạm mạch đạo mà phát bệnh; tinh thần kinh căng thẳng kết hợp. Điều quan trọng là cơ quan tạng phủ bị rối loạn về chức năng, công năng của 3 tạng ( tỳ, thận, can), trong đó tỳ, thận hư tổn là chủ yếu. Tỳ khí hư nhược, kiện vận thất điều, âm thực không thể hóa thành chất tinh vi ứ thành đàm trọc mà phát bệnh; hoặc do tuổi già thận suy, khí bất hóa tân, đàm trọc tích tụ ở trong dẫn đến tâm huyết ứ trở, mạch lạc kết trệ hoặc do can thận âm hư, hư hỏa thượng viêm, thiêu dịch thành đàm, đàm trọc nội trở mà phát bệnh.

Tóm lại: Y học cổ truyền cho rằng bản chất bệnh là “Bản hư tiêu thực”:

“Tiêu”: phần nhiều biểu hiện đàm trọc huyết ứ.

“Bản”: công năng tạng phủ thất điều hoặc hư tổn chủ yếu do tỳ, thận hư tổn.

## II/CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ :

### 1/ Đàm thấp nội trở :

Hình thể béo phệ, hay ăn các chất bổ, ngọt, béo; đầu nặng căng chướng; bụng ngực bí tức, buồn nôn hoặc nôn khan, miệng khô không khát, tứ chi gầy gò, chi thể nặng nề ma mộc (tê mỏi), bụng chướng, rêu lưỡi nhuận nhòn; mạch huyền hoạt.

Pháp điều trị : kiện tỳ hóa đàm trừ thấp.

Thường dùng “nhị trần thang” gia vị :

Phục linh	12g	Trần bì	06g
Bán hạ	09g	Bạch truật	12g
Thạch xương bồ	09g	Cam thảo	06g

Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Dogarlic : 03 lần x 02 viên

- Thập toàn đại bổ : 03 lần x 01 viên

Châm cứu : nội quan, phong long, trung quản, giải khê. 5-10 ngày 1 liệu trình

### 2/ Đàm nhiệt phủ thực :

Hình thể tráng thực, đại tiện bí kết, ngực tâm phúc chướng, đầu căng chướng, thường cảm thấy đau giật, tính tình cáu gắt, miệng đắng tâm phiền, mặt hồng, mắt đỏ, rêu lưỡi vàng nhòn, chất lưỡi hồng, mạch huyền hoạt có lực.

Phương pháp điều trị: thanh nhiệt, hóa đàm , thông phủ.

Thuốc: hợp phương “tiểu hãm hung thang” và “tăng dịch thừa khí thang” gia vị.

Hoàng liên	02-04g	Khương bán hạ	08-12g
Toàn qua lâu	12-32g	Huyền sâm	20 - 40g
Tế Sinh địa	16 - 32g	Mạch môn	16 - 32g
Đại hoàng	06 - 12g	Mang tiêu	02 - 05g

Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Hamov : 03 lần x 02 viên

- Thanh huyết : 03 lần x 02 viên

Châm cứu: Phế du, xích trạch, phong long, đại trường du, hợp cốc, khúc trì. 5-10 ngày 1 liệu trình

### 3/ Tỳ thận dương hư :

Lưng gối mỏi mệt, chi lạnh sợ hàn, tinh thần bất thư, mặt phù chi nặng, tứ chi thiếu lực, đại tiện lỏng nát, đái đêm nhiều, lưỡi bệu nhợt, rìa lưỡi có hần răng, rêu lưỡi trắng dày, mạch trầm trì.  
Phương pháp điều trị : Ôn tỳ bổ thận.

Thường dùng “phụ tử lý trung thang” gia giảm.

Nhân sâm	04g	Phụ tử chế	04g
Bạch truật	04g	Can khương	04g
Chích cam thảo	04g		

Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Dogarlic : 03 lần x 02 viên
- Thập toàn đại bổ : 03 lần x 02 viên

Châm cứu : tỳ du, trung quản, chương môn, thần khuyết, túc tam lý, mệnh môn, quan nguyên. 5-10 ngày 1 liệu trình

### 4/ Can thận âm hư :

Lưng gối đau mỏi, ngũ tâm phiền nhiệt, hình gầy, hay mệt, đầu choáng tai ù, tư hãn, miệng khô, họng ráo, lưỡi đỏ, ít rêu, mạch tế sác.

Phép trị : tư dưỡng can thận.

Phương thuốc: “kỷ cúc địa hoàng hoàn” gia vị.

Câu kỷ tử	10g	Cúc hoa	10g
Thục địa	24g	Sơn dược	12g
Sơn thù du	12g	Đơn bì	09g
Bạch phục linh	09g	Trạch tả	09g

Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Hamov : 03 lần x 02 viên
- Song hảo đại bổ tinh : 02 lần x 02 viên

Châm cứu: can du, thận du, huyền chung, dương lăng tuyền. 5-10 ngày 1 liệu trình

### 5/ Đàm ứ giao trở :

Tâm hung trung đông thống hữu hình thể béo, chi thể trầm nặng, tê mỏi; chất lưỡi tía xám hoặc có điểm ứ, ban ứ, rêu nhờn; mạch huyền hoạt hoặc mạch sáp.

Pháp điều trị: kiện tỳ hóa đàm - hoạt huyết khu ứ.

Thuốc: “qua lâu giới bạch bán hạ thang” hợp phương “đào hồng tứ vật thang” gia vị.

Qua lâu	16g	Giới bạch đầu	16g
Bán hạ	08g	Đương qui	12g
Xuyên khung	06 - 12g	Sinh địa	12 - 20g
Xích thực	08 - 12g	Đào nhân	08 - 12g
Hồng hoa	04 - 12g		

Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Dogarlic : 03 lần x 02 viên
- Flavital : 02 lần x 02 viên

Châm cứu: trung quản, phong long, huyết hải, hành gian. 5-10 ngày 1 liệu trình

### 6/ Can uất tỳ hư :

Đau 2 mạn sườn, đau không cố định, mệt mỏi, ăn kém, tinh thần bất định, đại tiện lỏng nát, kinh nguyệt không đều, quanh vú chướng đau, rêu lưỡi mỏng nhờn, mạch huyền.

Điều trị: sơ can giải uất- kiện tỳ dưỡng huyết.

Thuốc: “tiêu giao tán” gia vị.

Sài hồ	12g	Bạch thược	14g
Uất kim	12g	Đương quy	12g
Bạch truật	14g	Bạch linh	14g
Cam thảo	04g		

Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Hamov : 03 lần x 02 viên
- Thanh nhiệt tiêu độc : 03 lần x 02 viên
- Bát trân nang : 02 lần x 02 viên

Châm cứu: can du, tỳ du, chương môn, trung quản, thiên khu, túc tam lý. 5-10 ngày 1 liệu trình

# CHỨNG BẤT LỰC

## I/ ĐẠI CƯƠNG :

Chứng bất lực thuộc phạm trù của chứng Di tinh, Tảo tiết và Liệt dương, Dương nuy mà cơ chế không nằm ngoài phạm vi của 2 chứng Thận âm hư và Thận dương hư.

Thận với chức năng tàng tinh (chủ yếu là tinh sinh dục), nếu do vì lo lắng căng thẳng hoặc tư tưởng đến chuyện tình dục quá mức thì hậu quả sẽ là Mộng tinh, Tảo tiết mà bệnh cảnh lâm sàng thường biểu hiện ở các thể Tâm Thận bất giao hoặc Tương hỏa vọng động.

Ngược lại, nếu do vì cảm nhiễm thấp nhiệt tà qua đường sinh dục tiết niệu, thì triệu chứng biểu hiện sẽ là tinh tự xuất sau khi đi tiểu hoặc là Thấp trực.

Và bệnh kéo dài lâu ngày sẽ đưa đến Thận khí bất cố với triệu chứng hoạt tinh: tinh tự xuất khi liên tưởng đến chuyện tình dục hoặc khi gắng sức đưa đến chứng Dương nuy, Liệt dương mà bệnh cảnh lâm sàng thường biểu hiện ở dưới thể Tâm Tỳ lưỡng hư hoặc Mệnh môn hỏa suy.

## II/ CHẨN ĐOÁN :

### 1/ Tương hỏa vọng động :

Với biểu hiện ngủ ít, hồi hộp, đầu choáng váng, dương vật hay cương, hay mộng tinh hoặc tảo tiết, miệng khô lưỡi đỏ, đau eo lưng, mạch huyền sác.

### 2/ Tâm Thận bất giao :

Đầu váng, hồi hộp, tinh thần bải hoải, mộng tinh hoặc tảo tiết, hay quên, cảm giác bốc hỏa ở mặt, họng khô cổ ráo, lạnh 2 chân, tiểu đỏ ngắn, mạch tế sác.

### 3/ Thận khí bất cố (Thận khí bất túc) :

Thường đau lưng, ngủ ít, chóng mặt, ù tai, tinh tự xuất ra khi nghĩ đến chuyện tình dục hoặc khi gắng sức, hoặc tinh loãng, tinh ít, sợ lạnh, tay chân lạnh, sắc mặt trắng, tự hãn, tiểu trong dài, mạch trầm nhược.

### 4/ Thấp trực :

Khát nước, miệng đắng, rêu lưỡi vàng nhày, nước tiểu đỏ, tinh chảy ra sau khi tiểu hoặc mỗi sáng thấy có chất nước đục ở đầu dương vật (triệu chứng này rất rõ khi ăn những thức ăn cay nóng hoặc uống nhiều rượu, cà phê hoặc thức khuya).

Chứng dương nuy hoặc liệt dương thường được biểu hiện dưới 2 thể lâm sàng sau đây:

### 5/ Tâm tỳ lưỡng hư :

Hay sợ sệt, đa nghi, thường xuyên hồi hộp, mất ngủ hoặc mộng mị, hay quên. Người mệt mỏi, sắc mặt vàng tái, ăn kém bụng đầy, tiêu lỏng, lưỡi nhợt bệu, mạch tế nhược.

### 6/ Mệnh môn hỏa suy (Thận khí bất túc) :

Đau lưng, ngủ ít, chóng mặt, ù tai, sợ lạnh, tay chân lạnh, sắc mặt trắng, tự hãn, tiểu trong dài, mạch trầm nhược.

## III/ ĐIỀU TRỊ :

### 1/ Thể Tương hỏa vọng động và Tâm thận bất giao :

Phép trị : An thần định tâm cô tinh. Nhằm mục đích chống lo âu và ức chế giao cảm trung ương.

Bài thuốc sử dụng : Bài thuốc An thần định chí thang gia giảm (Y học tâm ngộ)

Sài hồ	12g	Đảng sâm	12g
Viễn chí	08g	Phục linh	08g
Long cốt	16g	Thảo quyết minh	16g
Khiêm thực	12g	Liên nhục	12g.

Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Song hảo đại bổ tinh : 03 lần x 02 viên

- An thần bổ tâm : 03 lần x 02 viên

Nếu trường hợp bệnh nhân bị táo tiết do xúc động hoặc hưng phấn quá mức có thể thay Liên nhục bằng Liên tâm 12g.

## 2/ **Thể Thận khí bất cố (Thận khí bất túc) :**

Phép trị: Ôn bổ thận dương, nạp khí cố tinh. Nhằm mục đích: ức chế giao cảm ngoại vi gây dẫn cơ trơn mạch máu đến dương vật, gây trạng thái ham muốn tình dục và sinh tinh như tác dụng của Testosterone hoặc cung cấp Arginine (tiền chất của nitric oxide).

Bài thuốc sử dụng : Bài thuốc Hữu quy hoàn gia giảm

Thục địa	12g	Hoài sơn	08g
Sơn thù	06g	Kỷ tử	12g
Đương quy	12g	Đỗ trọng	12g
Thỏ ty tử	08g	Phụ tử	08g
Nhục quế	12g	Cao ban long	20g
Kim anh tử	30g	Liên tu	05g.

Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Fitogra F : 03 lần x 02 viên

- Bát vị : 03 lần x 02 viên

## 3/ **Thể thấp trọc :**

Phép trị : Thanh nhiệt lợi thấp. Nhằm mục đích sử dụng kháng sinh thực vật để chữa nhiễm trùng niệu sinh dục.

Bài thuốc sử dụng: Bài thuốc Thủy lục đơn

Khiêm thực	30g	Kim anh tử	30g.
------------	-----	------------	------

## **Gia thêm :**

Tỳ giải	16g	Hoàng bá nam	12g
Bồ công anh	20g	Khổ sâm	10g.

Tốt nhất nên điều trị bằng kháng sinh y học hiện đại.

Thuốc thành phẩm :

- Song hảo đại bổ tinh : 03 lần x 02 viên

- Thanh nhiệt tiêu độc : 03 lần x 02 viên

## 4/ **Thể Mệnh môn hỏa suy (Thận khí bất túc) :**

Phép trị : Ôn thận nạp khí.

Bài thuốc sử dụng : Bài Hữu quy hoàn gia giảm (xem ở trên).

Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Fitogra F : 03 lần x 02 viên

- Bát vị : 03 lần x 02 viên

## 5/ **Thể Tâm tỳ lưỡng hư :**

Phép trị: Ôn bổ tâm tỳ. Nhằm mục đích: bồi dưỡng thể lực và cung cấp nhiều acid amin trong đó có Arginine (một tiền chất của nitric oxide).

Bài thuốc Quy tỳ thang

Hoàng kỳ	12g	Bạch truật	12g
Thục địa	12g	Đảng sâm	16g
Đương quy	12g	Mộc hương	06g
Viễn chí	08g	Long nhãn	12g
Táo nhân	08g	Phục thần	08g
Đại táo	12g		

**Gia thêm**

Cao ban long      20g  
Thục địa            12g

Cáp giới            08g

Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Fitogra F :      03 lần x 02 viên
- Quy tỳ :        03 lần x 02 viên

# SỎI TIẾT NIỆU (SỎI HỆ THỐNG TIẾT NIỆU)

## I/ ĐẠI CƯƠNG :

Sỏi hệ thống tiết niệu là chỉ tinh thể rắn thành hòn hoặc khối xuất hiện trong hệ thống tiết niệu. Căn cứ vào vị trí của các tinh thể rắn chắc (sỏi) trên đường tiết niệu mà người ta phân biệt là sỏi thận, sỏi niệu quản, sỏi bàng quang và sỏi niệu đạo.

Đặc điểm lâm sàng là: đau phần bụng dưới hoặc đau vùng lưng lan ra bụng, đái ra máu, đái đục. Nếu như trở tắc cấp tính thì có thể đái ít hoặc vô niệu (không đái được), thậm chí xuất hiện cơn đau quặn thận, chức năng thận có thể bị suy giảm cấp tính; điều trị nội khoa tương đối khó khăn, có khi phải mổ cấp cứu.

Theo y học cổ truyền thường mô tả các chứng bệnh này trong các phạm trù “sa lâm”, “thạch lâm”, “huyết lâm” và “yêu thống”. Thời kỳ đầu đa phần thuộc thấp nhiệt, uẩn kết ở hạ tiêu, thấp nhiệt lâu ngày sẽ sinh ra chứng thực chuyển sang hư hoặc hư thực thác tạp. Việc dùng thuốc y học cổ truyền để điều trị niệu lạc kết thạch ở hệ thống tiết niệu về phương diện nào đó đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm phong phú, từ đó đã cải thiện được các triệu chứng của bệnh, không để chức năng của thận bị suy giảm, giảm được tái phát.

## II/ CHẨN ĐOÁN XÁC ĐỊNH :

### 1/ theo y học hiện đại :

Dựa vào các biểu hiện: có tiền sử đái ra sỏi, cơn đau quặn thận, sốt, đái máu đại thể hoặc vi thể; đái buốt, đái dắt, đái đục, đái mù.

Xét nghiệm nước tiểu có vi khuẩn niệu, tế bào mù; định lượng can - xi niệu, systin niệu, axit uric niệu và tồn căn oxalat, phosphat... Nếu có protein niệu là có viêm thận - bể thận.

Chẩn đoán xác định phải chụp X quang và bổ xung bằng siêu âm: chụp thận thường phát hiện sỏi cản quang; chụp thận tĩnh mạch (UIV) xác định vị trí sỏi, phát hiện sỏi không cản quang, đánh giá được kích thước và chức năng bài tiết của mỗi thận; chụp thận ngược dòng (UPR) chỉ được chỉ định khi thật cần thiết. Siêu âm tiện lợi nhưng không rõ nét bằng X quang; sỏi niệu quản ở đoạn 1/3 giữa khó phát hiện. Soi bàng quang khi có đái máu đại thể.

Cần chẩn đoán các biến chứng của sỏi: đái máu đại thể, nhiễm khuẩn, viêm bể thận - thận cấp, bí đái, vô niệu và viêm bể thận - thận mạn.

Chẩn đoán phân biệt: các nốt vôi hoá, sỏi đường mật, viêm đại tràng mạn có cơn đau kiểu “quặn thận”

### 2/ Theo y học cổ truyền :

Sỏi hệ tiết niệu khi có cơn đau quặn thận cấp tính thì triệu chứng chủ yếu là đái máu, đái dắt, đái buốt là chính.

Thời kì đầu y học cổ truyền mô tả bệnh trong “huyết lâm”, “sa lâm”, “thạch lâm”. Nhưng thời kỳ sau thì đau chủ yếu ở phần lưng và dồn xuống dưới nên thuộc phạm trù “yêu thống”.

Về bản chất của bệnh, theo biện chứng luận trị của Trung y nói chung, thời kỳ có cơn đau quặn thận cấp hoặc thời kỳ đầu thuộc thực chứng; đa phần có thấp nhiệt, uẩn kết ở hạ tiêu, sa thạch kết tụ, khí trệ bất lợi mà dẫn đến.

Trong điều trị, cần thanh nhiệt lợi thấp, thông lâm bài thạch, lợi khí, sơ đạo. Nếu bệnh để lâu, điều trị không kịp thời sẽ chuyển thành hư chứng, tổn thương chủ yếu là tỳ hư, thận hư hoặc nó biến thành chứng hư thực thác tạp. Nếu như tỳ thận hao hư là chính thì phải kiện tỳ ích thận, phải thông lâm tiêu thạch. Nếu như hư thực thác tạp thì phải dựa vào hư thực nhiều hay ít để mà tiêu bản đồng trị hoặc công bổ kiêm trị.

### 3/ Nguyên nhân cơ chế bệnh sinh theo y học cổ truyền :

Sỏi hệ thống tiết niệu hình thành là do tại chỗ có thấp nhiệt hoặc ngoại cảm phải phong tà, thấp tà, nhiệt tà hoặc ăn uống nhiều chất cay nóng, chất béo hoặc là tình chí bất tiết, hoặc vui giận thất thường, lao thương quá độ uất tụ thành thấp nhiệt dẫn đến hoá độc nội sinh, thấp nhiệt hạ trú ở bàng quang, hãn chung tân dịch, tạp chất ngưng kết mà thành sỏi.

Vị trí sỏi ở thận và bàng quang là chính, thường có ảnh hưởng đến can và tỳ, tính chất của bệnh là chính hư tà thực.

Chính hư gồm có: khí hư, âm hư, dương hư, âm - dương lưỡng hư.

Tà thực gồm có: ngoại cảm phong thấp, nhiệt tà thấp nhiệt, khí trệ huyết ứ.

Cơ chế bệnh sinh: chủ yếu vẫn là thấp nhiệt uẩn kết ở hạ tiêu, bàng quang khí hoá bất lợi.

Nếu bệnh lâu ngày thì làm hại dương khí, nhiệt hoá hoả thương âm, hoặc là âm thương cập khí mà dẫn đến tỳ thận lưỡng hư. Như vậy bệnh từ thực chuyển sang hư, hư thực thác tạp.

### III/ CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ :

#### 1/ Thể hạ tiêu thấp nhiệt :

Đa phần là bệnh ở thời kỳ đầu, cơn đau cấp tính, tiểu tiện nhiều lần, đái buốt, sốt, nước tiểu vàng đỏ, tiểu tiện sấp trệ không thông có khi đái ngắt quãng và có khi đái ra sạn sỏi; lưng đau lan đến bụng dưới và vùng sinh dục; miệng đắng, nôn khan hoặc nôn mửa, rêu lưỡi vàng nhờn; mạch hoạt sác.

Phương pháp điều trị: thanh nhiệt lợi thấp - thông lâm bài thạch.

Phương thuốc thường dùng: “bát chính tán” gia giảm:

Sa tiền tử	20g	Biển xúc	20g.
Cù mạch	12g	Hoạt thạch	20g.
Cam thảo tiêu	06g	Đại hoàng	04g.
Sơn chi	12g	Đẳng tâm thảo	08g.

Gia giảm:

- Nếu đái máu là chính thì phải trọng dụng “tiểu kế ẩm tử” hợp phương “thạch vĩ tán”.
- Nếu tiểu tiện vàng đục kèm theo mắt đỏ, miệng đắng, tâm phiền dễ giận dữ phải dùng “long đờm thảo tả can thang” gia vị.
- Nếu nhiệt độc vào huyết và tam tiêu thì cấp phải trị tiêu, phải dùng hợp phương “hoàng liên giải độc thang” và hợp phương với “ngũ vị tiêu độc ẩm” (hoàng liên, hoàng cầm, hoàng bá, chi tử).

“Ngũ vị tiêu độc ẩm” bao gồm:

Kim ngân hoa	20g	Thư cúc hoa	12g
Bồ công anh	20g	Tử hoa địa đing	15g
Tử bối thiên quý	10g.		

Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Kim tiền thảo : 03 lần x 03 viên
- Thanh huyết : 03 lần x 02 viên
- Hương sa lục quân : 02 lần x 02 viên

#### 2/ Khí trệ huyết ứ :

Tiểu tiện sấp trệ, lâm ly bất sướng, trong nước tiểu có máu cục (huyết khối), bụng dưới chướng đau hoặc đau nhói, thậm chí lưng và bụng đau quặn; chất lưỡi xám tía có nhiều ban điểm ứ huyết; mạch trầm huyền hoặc sác.

Phương pháp điều trị: hành khí hoạt huyết - thông lâm bài thạch.

Phương thuốc thường dùng: “trầm hương tán” hợp phương “huyết phụ trục ứ thang”.

Bạch đậu khấu	04g	Trầm hương	04g
Tử tô	04g	Đương qui	12 - 16g

Đào nhân	08 - 16g	Chỉ xác	06 - 08g
Sài hồ	08 - 12g	Cát cánh	06 - 08g
Xuyên Ngư tất	06 - 12g	Sinh Đại hoàng	12 - 16g
Hồng hoa	06 - 12g	Xích thược	08 - 12g
Xuyên khung	06 - 08g	Cam thảo	04g

Nếu kèm theo ngực đầy sườn tức dùng thêm “tứ vị tán”.

Nếu huyết ứ rõ ngày càng nặng thì gia thêm: nhũ hương, một dược mỗi thứ đều 8 - 12g.

Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Kim tiền thảo : 03 lần x 03 viên
- Thanh nhiệt tiêu độc : 03 lần x 02 viên
- Flavital : 02 lần x 02 viên

### 3/ Thể tỳ thận khí hư :

Đa phần do sỏi hệ thống tiết niệu lâu ngày không được điều trị hoặc điều trị không khỏi làm hao thương chính khí; tiểu tiện không nhiều, đỏ, sấp, lâm li bất đã khi nặng, khi nhẹ. Khi gặp thời tiết thay đổi, vận động mệt mỏi thì bệnh thường tái phát; trong nước tiểu thấy có sạn sỏi (sa thạch) đi theo, lưng gối đau mỏi, mệt mỏi vô lực, chất lưỡi nhợt, mạch tế nhược.

Pháp điều trị: kiện tỳ ích thận - bổ khí tiêu thạch.

Phương thuốc thường dùng: “vô tử sơn dược hoàn” gia giảm.

Sơn dược	20g	Nhục thung dung	08g.
Thục địa hoàng	12g	Sơn thù du	08g.
Phục thần	10g	Thỏ ty tử	12g.
Ngũ vị tử	08g	Xích thạch chi	15g.
Ba kích thiên	12g	Trạch tả	15g.
Đỗ trọng	12g	Ngưu tất	20g.

Nếu trung khí hạ hãm thì có thể kết hợp với “bổ trung ích khí”.

Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Bài thạch : 03 lần x 03 viên
- Diệp hạ châu : 03 lần x 03 viên
- Rheumapain : 03 lần x 02 viên

### 4/ Can thận âm hư :

Đa phần là do thấp nhiệt uẩn kết lâu ngày hóa thương âm tinh mà dẫn đến, lưng gối đau mỏi, đầu choáng, tai ù; triệu nhiệt, tự hãn, má hồng, môi hồng, miệng khô, họng đau; tiểu tiện lâm li, có khi bài xuất ra cả sạn sỏi; chất lưỡi hồng, rêu lưỡi vàng hoặc không có rêu; mạch trầm tế sác.

Phương pháp điều trị: tư âm thanh nhiệt - ích thận tiêu thạch.

Phương thuốc thường dùng: “lục vị địa hoàng hoàn” gia thêm: kim tiền thảo, hải kim sa đẳng mỗi thứ đều 30g.

Nếu âm hư hoả vượng thì dùng “đại bổ âm hoàng”.

Nếu can dương thượng nghịch, đầu choáng mắt hoa thì dùng “kỷ cúc địa hoàng hoàn”.

Nếu đái ra máu rõ thì dùng “tri bá địa hoàng hoàn” gia vị.

Nếu thấp nhiệt ở cuối, đi tiểu nóng, vàng thì dùng “a giao tán”.

Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Bài thạch : 03 lần x 03 viên
- Pharnanca : 02 lần x 02 viên
- Rheumapain : 03 lần x 02 viên

### 5/ Thận dương hư tổn :

Lưng gối đau mỏi, gầy gò, thiếu lực, sợ lạnh, chi lạnh; sắc mặt trắng bủng, tiểu tiện phiền số, bài xuất vô lực hoặc đái sỏi, chất lưỡi nhợt, mạch trầm tế.

Phương pháp điều trị: ôn bổ thận dương - thông lâm tiêu thạch.

Phương thuốc thường dùng: “kim quĩ thận khí hoàn” gia vị.

Nếu kèm theo tỳ vị hư hàn thì gia thêm “qui tỳ hoàn” gia vị.

Sinh địa	32g	Sơn dược	16g
Sơn thù (sao rượu)	16g	Phục linh	12g
Trạch tả	12g	Đan bì	12g
Quế chi	08g	Phụ tử (chế)	08g

Thuốc thành phẩm : 7-14 ngày

- Bài thạch : 03 lần x 03 viên

- Bát vị hoàn : 03 lần x 02 viên

Phối hợp với châm cứu các huyệt : thái khê, phi dương, kinh môn, dũng tuyền. Ngày 1 lần, 10 ngày là 1 liệu trình.